

Thừa Thiên Huế, ngày 3 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2022, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

- Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây nhiệm kỳ 2020-2025 gồm có 3 thành viên trong đó hai thành viên chuyên trách và một thành viên không chuyên trách thuộc Tổng Công ty. Trong năm 2022, BKS có sự thay đổi nhân sự so với năm 2021 bà Lê Thị Hoàng Diệu chuyển công tác và ông Đoàn Quang Vũ thay thế vị trí thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

- Căn cứ Tờ trình số 21/TT-HĐQT ngày 21/03/2022 của HĐQT Công ty được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua về việc quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 và thông qua phương án quỹ tiền lương thù lao năm 2022 của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây. Trong đó, thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được hưởng là 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban kiểm soát đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của Công ty. Thường xuyên tiến hành tổ chức công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt thông qua người đại diện vốn; xem xét báo cáo tài chính và các hoạt động đầu tư các dự án trên cơ sở phù hợp Luật



The

doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong năm 2022, BKS đã thực hiện 9 cuộc họp và đã ban hành 9 báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị.

- Ban kiểm soát phối hợp phòng Tài chính - Kế toán và Công ty kiểm toán độc lập tiến hành thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty do Ban Điều hành lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

- Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Điều hành và một số cuộc họp khác với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của đơn vị.

- Trong năm 2022, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông về yêu cầu xem xét hoạt động của Công ty, về việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 trên cơ sở tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Về cơ bản, Công ty đã thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. BKS thống nhất với số liệu trong Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, xác nhận Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31/12/2022. Trên cơ sở đó BKS kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 do Ban Điều hành báo cáo và đã được kiểm toán với số liệu như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2022 (dạng rút gọn)

Đơn vị tính: VN đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021	Tăng (giảm) 2022/2021	% Tăng (giảm)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	114.877.434.267	126.359.614.793	(11.482.180.526)	91%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	54.699.220.264	78.777.943.141	(24.078.722.877)	69%
1. Tiền	16.699.220.264	21.777.943.141	(5.078.722.877)	77%
2. Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	57.000.000.000	(19.000.000.000)	67%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000		10.000.000.000	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000		10.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	36.661.354.649	32.137.530.217	4.523.824.432	114%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	17.986.258.348	17.780.528.881	205.729.467	101%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.545.650.715	2.939.461.087	3.606.189.628	223%
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	-	100%

6. Phải thu ngắn hạn khác	13.894.228.145	13.182.322.808	711.905.337	105%
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3.264.782.559)	(3.264.782.559)	-	100%
IV. Hàng tồn kho	3.846.510.522	4.658.264.697	(811.754.175)	83%
1. Hàng tồn kho	3.846.510.522	4.658.264.697	(811.754.175)	83%
V. Tài sản ngắn hạn khác	9.670.348.832	10.785.876.738	(1.115.527.906)	90%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	214.702.359	284.111.215	(69.408.856)	76%
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.334.601.507	10.499.759.960	(1.165.158.453)	89%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	121.044.966	2.005.563	119.039.403	6035%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	582.914.385.295	596.599.381.780	(13.684.996.485)	98%
II. Tài sản cố định	10.848.886.360		10.848.886.360	
1. Tài sản cố định hữu hình	558.123.363.834	584.407.204.401	(26.283.840.567)	96%
- Nguyên giá	558.123.363.834	584.399.011.334	(26.275.647.500)	96%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	1.031.554.808.542	1.022.734.170.239	8.820.638.303	101%
3. Tài sản cố định vô hình	-	8.193.067	(8.193.067)	0%
- Nguyên giá	184.609.600	184.609.600	-	100%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(184.609.600)	(176.416.533)	(8.193.067)	105%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	4.897.701.790	1.603.236.559	3.294.465.231	305%
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.897.701.790	1.603.236.559	3.294.465.231	305%
VI. Tài sản dài hạn khác	9.044.433.311	10.588.940.820	(1.544.507.509)	85%
1. Chi phí trả trước dài hạn	9.044.433.311	10.588.940.820	(1.544.507.509)	85%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	697.791.819.562	722.958.996.573	(25.167.177.011)	97%
C. NỢ PHẢI TRẢ	355.839.891.674	370.163.366.372	(14.323.474.698)	96%
I. Nợ ngắn hạn	91.222.138.851	126.114.392.193	(34.892.253.342)	72%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	3.677.752.041	5.334.867.538	(1.657.115.497)	69%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	174.591.118	393.769.996	(219.178.878)	44%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	-	337.181.165	(337.181.165)	0%
4. Phải trả người lao động	8.032.628.205	11.089.327.276	(3.056.699.071)	72%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.505.073.415	37.208.998.254	(33.703.924.839)	9%
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	497.699.988	(497.699.988)	0%
9. Phải trả ngắn hạn khác	53.600.111.430	52.450.057.014	1.150.054.416	102%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.196.000.000	12.000.000.000	7.196.000.000	160%
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	4.018.300.032	(4.018.300.032)	0%
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.035.982.642	2.784.190.930	251.791.712	109%
II. Nợ dài hạn	264.617.752.823	244.048.974.179	20.568.778.644	108%
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	67.872.483.570	67.872.483.570	-	100%
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	196.745.269.253	176.176.490.609	20.568.778.644	112%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	341.951.927.888	352.795.630.201	(10.843.702.313)	97%
I. Vốn chủ sở hữu	341.951.927.888	352.795.630.201	(10.843.702.313)	97%

1. Vốn góp của chủ sở hữu	324.054.150.000	324.054.150.000	-	100%
8. Quỹ đầu tư phát triển	27.259.580.782	26.889.105.927	370.474.855	101%
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(9.361.802.894)	1.852.374.274	(11.214.177.168)	-505%
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-	-	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	(9.361.802.894)	1.852.374.274	(11.214.177.168)	-505%
TỔNG CỘT NGUỒN VỐN	697.791.819.562	722.958.996.573	(25.167.177.011)	97%

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2022

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tăng (giảm) 2022/2021	% Tăng (giảm)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.472.290.758	166.939.258.801	15.533.031.957	109%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	182.472.290.758	166.939.258.801	15.533.031.957	109%
4. Giá vốn hàng bán	143.215.315.738	128.816.602.875	14.398.712.863	111%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	39.256.975.020	38.122.655.926	1.134.319.094	103%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.729.669.332	1.667.043.218	62.626.114	104%
7. Chi phí tài chính	18.027.693.175	8.218.425.537	9.809.267.638	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	18.027.693.175	8.196.571.282	9.831.121.893	
8. Chi phí bán hàng	2.523.262.493	1.615.150.768	908.111.725	156%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.798.383.108	27.795.903.543	2.002.479.565	107%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	(9.362.694.424)	2.160.219.296	(11.522.913.720)	(433%)
11. Thu nhập khác	2.737.445	15.243.815	(12.506.370)	18%
12. Chi phí khác	1.845.915	427.706	1.418.209	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	891.530	14.816.109	(13.924.579)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	(9.361.802.894)	2.175.035.405	(11.536.838.299)	(430%)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		322.661.131	(322.661.131)	0%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	(9.361.802.894)	1.852.374.274	(11.214.177.168)	(505%)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(289)	43		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(289)	43		

lu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2022

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Kỳ này từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
1	2	3	4	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.361.802.894)	2.175.035.405
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		35.104.478.870	29.474.709.664
- Các khoản dự phòng	03		(4.018.300.032)	4.018.300.032
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(25.075.886)	21.854.255
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.704.593.446)	(1.667.043.218)
- Chi phí lãi vay	06		18.027.693.175	8.196.571.282
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.022.399.787	42.219.427.420
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.750.909.164)	(952.879.040)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		811.754.175	(1.201.331.550)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(13.192.919.316)	(8.354.788)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.613.916.365	(5.500.563.023)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.445.343.530)	(5.415.106.768)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(322.661.131)	(466.449.042)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(193.134.427)	(818.874.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.543.102.759	27.855.869.209
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(47.067.549.329)	(12.738.580.009)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.667.420.843	1.672.692.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(55.400.128.486)	(11.065.887.476)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		39.764.778.644	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(12.000.000.000)	(5.000.000.000)

the

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.551.680)	(83.700.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.753.226.964	(5.083.700.705)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(24.103.798.763)	11.706.281.028
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		78.777.943.141	67.093.516.368
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		25.075.886	(21.854.255)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		54.699.220.264	78.777.943.141

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022	NĂM 2021	GHI CHÚ
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0.16	0.17	
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0.84	0.83	
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	1.10	1.14	
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.51	0.51	
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	0.46	0.45	
3	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1.22	0.97	
	Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1.26	1.00	
4	Hiệu quả				
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	(0.0134)	0.0026	
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	(0.0513)	0.0111	
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	(0.0289)	0.0043	

Đánh giá chung:

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CNT ngày 27/04/2022 của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy về việc đề Người đại diện vốn của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy tại Công ty cổ phần Cảng Chân Mây biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cảng Chân Mây năm 2022 đã ra Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 với các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

- + Sản lượng hàng rời: 3.868.000 tấn;
- + Sản lượng hàng cont: 20.000 TEUs;

+ Doanh thu hàng rời:	225 tỷ đồng;
Trong đó, doanh thu hàng cont:	22,7 tỷ đồng;
+ Lợi nhuận trước thuế:	200 triệu đồng;
+ Nộp ngân sách:	500 triệu đồng;
+ Thu nhập bình quân:	10,1 triệu đồng.

Những tác động cụ thể năm 2022, tình hình kinh tế thế giới và trong nước chịu ảnh hưởng lớn từ việc giá nhiên liệu do cuộc xung đột Nga - Ukraine, chi phí logistics cao, thủ tục xuất nhập khẩu bị kiểm soát nghiêm ngặt do chính sách zero Covid của Trung Quốc dẫn đến sản lượng xuất khẩu qua Cảng bị ảnh hưởng.

Mặc dù du lịch nội địa có nhiều dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên, năm 2022 ngành du lịch bằng tàu biển quốc tế vẫn chưa hoạt động trở lại tại Việt Nam như kỳ vọng.

Nhìn chung, sản lượng hàng hóa qua Cảng năm 2022 tăng 9% so với cùng kỳ năm 2021, nhưng chi phí năm 2022 tăng do khoản lãi vay đầu tư dự án và khấu hao tăng khi đưa Bến số 2 vào hoạt động làm chỉ tiêu lợi nhuận giảm đã khiến Công ty chịu lỗ trong năm 2022.

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2022:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ % thực hiện/kế hoạch
1	Sản lượng hàng rời	Tấn	3.469.639	3.868.000	89,70%
2	Sản lượng hàng cont	TEUs	666	20.000	3,3%
3	Doanh thu hàng rời	Trđ	182.000	225.000	81%
4	Doanh thu hàng cont	Trđ	926	22.700	4%
5	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	(9.361)	200	
6	Nộp ngân sách	Trđ	768	500	154%
7	Thu nhập bình quân	Đồng	10.920.000	10.101.000	108%

- Năm 2022, kết quả sản xuất kinh doanh lỗ xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu như doanh thu chỉ đạt 81% kế hoạch (doanh thu năm 2022 đạt 182,4 tỷ đồng), chi phí khấu hao TSCĐ tăng so với năm trước 5,6 tỷ đồng (năm 2022 chi phí khấu hao TSCĐ 35,104 triệu đồng) cộng với chi phí lãi vay ngân hàng tăng so với năm 2021 là 9,8 tỷ đồng (năm 2022 chi phí lãi vay 18 tỷ đồng), chi phí nhiên liệu tăng dẫn đến chi phí nhiên liệu tiêu thụ tăng 2,6 tỷ so với cùng kỳ (chi phí nhiên liệu năm 2022 16,3 tỷ đồng).

- Chỉ tiêu Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền thuần có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 dương 3,5 tỷ đồng cho thấy

hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra tăng liên tục và đảm bảo hoạt động hiệu quả cho việc đầu tư và bù đắp các chi phí.

- Hệ số khả năng thanh toán hiện tại là chỉ số đo lường khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Chỉ số này ở mức 2-3 lần được xem là tốt, nhưng hiện nay chỉ số này của đơn vị khoảng 1 lần cho thấy thời gian đến việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của đơn vị trong tương lai sẽ gặp một số khó khăn nhất định.

Nhìn chung, năm 2022 các chỉ tiêu tài chính cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo đảm và phát triển.

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN

Các dự án đầu tư xây dựng của Công ty đang được triển khai đúng tiến độ, cũng như đảm bảo chất lượng yêu cầu. Tình hình giải ngân của các dự án cụ thể như sau:

Stt	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư (Triệu đồng)	Giải ngân đến 31/12/2022 (Triệu đồng)	Ghi chú
Tổng cộng(A + B + C + D)			1.108.839	414.562	
A	Các dự án nhóm A				
B	Các dự án nhóm B		848.060	383.991	-
I	Dự án chuyển tiếp		848.060	383.991	
1	Bến số 2 - Cảng Chân Mây	Số 54/QĐ-HĐQT ngày 9/10/2017	848.060	383.991	
-	<i>Giai đoạn 1</i>	<i>16/QĐ-HĐQT ngày 13/03/2018</i>	<i>384.270</i>	<i>382.670</i>	Đã kiểm toán số liệu hoàn thành Dự án Bến số 2 đến 31/12/2021 với giá trị là 375 tỷ đồng
-	<i>Giai đoạn hoàn thiện</i>	<i>87/NQ-HĐQT ngày 04/06/2021</i>	<i>463.790</i>	<i>1.320</i>	
C	Các dự án nhóm C		71.500	10.042	
I	Dự án chuyển tiếp		11.800	4.553	
1	Dự án các hạng mục phục vụ sản xuất kinh doanh		11.800	4.553	

the

1.1	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (Bến 120m)	36/NQ-HĐQT ngày 28/4/2017	4.300	333	
1.2	Nhà kho 2500 m2	80/NQ-CNT ngày 20/06/2022	7.500	4.219	
II	Dự án, hạng mục khởi công trong năm 2022		39.700	4.037	
1	Xây dựng hàng rào mở rộng kho bãi Bến số 1	80/NQ-CNT ngày 20/06/2022	2.200	6	
2	Nâng cấp bãi chứa hàng container - Cảng Chân Mây	79/QĐ-CM ngày 24/06/2022	1.500	4.020	
3	Phần mềm quản lý container	80/NQ-CNT ngày 20/06/2022	2.000	11	
4	Đầu tư xây dựng kho hàng 10.000m2 (điều chỉnh thành 02 nhà kho 5.000m2)	80/NQ-CNT ngày 20/06/2022	30.000	-	Chưa thực hiện
5	Xe nâng 10 tấn	80/NQ-CNT ngày 20/06/2022	3.000	-	Chưa thực hiện
6	Máng làm hàng	80/NQ-CNT ngày 20/06/2022	1.000	-	Chưa thực hiện
III	Các hạng mục sửa chữa, bảo trì Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2022		20.000	1.451	
1	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây	80/NQ-CNT ngày 20/06/2022	10.000	863	
2	Sửa chữa Bến số 1 - Cảng Chân Mây (hệ dầm, cọc,...)	80/NQ-CNT ngày 20/06/2022	10.000	588	
D	Các công việc, hạng mục khác phục vụ sản xuất kinh doanh		189.278	20.528	
1	Kiểm định nâng cấp Bến số 1 – Cảng Chân Mây lên 70.000DWT giảm tải	83/NQ-HĐQT ngày 31/5/2021	550	176	

1	Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có trọng tải đến 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây, tỉnh Thừa Thiên Huế	150/NQ-CNT ngày 27/12/2022	3.500	-	Đang triển khai
2	Lập Quy hoạch chi tiết 1/500 Bến số 1 - Cảng Chân Mây	70/NQ-HĐQT ngày 22/06/2020	593	197	
3	Sửa chữa bãi Alcan	77/NQ-HĐQT ngày 4/11/2022	481	444	
4	Văn phòng container	64/NQ-HĐQT ngày 15/08/2022	499	-	Đang triển khai
5	Hệ thống rửa xe tự động	194A/QĐ-CM ngày 8/11/2022	93	100	
6	Chuyển nhượng nhà kho do ITID đầu tư tại Cảng Chân Mây	65/NQ-HĐQT ngày 15/08/2022	2.500	2.750	
7	Kiểm định Hội trường - Nhà ăn ca	81/QĐ-CM ngày 29/6/2022	99	40	
8	Cấp giấy phép môi trường	62/NQ-HĐQT ngày 10/08/2022	1.360	123	
9	Các hạng mục thuộc Phương án kinh doanh khi bổ sung trang thiết bị		179.600	16.696	
9.1	<i>Thuê 02 cần trục đa năng có thể xếp dỡ hàng container, hàng tổng hợp tại Cảng Chân Mây</i>	<i>68/NQ-HĐQT ngày 23/04/2021</i>	<i>120.000</i>	<i>16.631</i>	
9.2	<i>Thuê các thiết bị làm hàng: - Xe nâng chụp container Reachstacker 45t, - Xe nâng cont rỗng, - Khung chụp container tự động</i>	<i>79/NQ-HĐQT ngày 11/11/2022</i>	<i>17.600</i>	<i>65</i>	

9.3	Thuê xe đầu kéo	68/NQ-HĐQT ngày 23/04/2021	30.000	-	
9.4	Xây dựng kho CFS 5000m ²	68/NQ-HĐQT ngày 23/04/2021	12.000	-	

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2022, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT và BTGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

1. Về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp theo hình thức tập trung và lấy ý kiến bằng văn bản nhiều vấn đề liên quan đến điều hành sản xuất kinh doanh cũng như quản lý xây dựng các dự án. HĐQT đã ban hành 12 Quyết định, 69 Nghị quyết, 6 Tờ trình, 8 Thông báo, Báo cáo. Các văn bản ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc bám sát tình hình thực tế, linh hoạt trong công tác điều hành nhằm xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Trong năm, HĐQT đã hoàn thành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 theo kế hoạch.

- Các chính sách của HĐQT mang tính định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

2. Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban TGD đã thực hiện đúng, đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cũng như Quy chế hoạt động của Công ty. Ban TGD đã duy trì thường xuyên các cuộc họp giao ban hàng tuần để tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành SXKD của Công ty.

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ đúng Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

- Ban Tổng Giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng theo nhiệm vụ được phân công.

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, Ban TGD trong năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT không có vi phạm nào làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, Ban TGD

- Trong năm 2022, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của đơn vị, của cổ đông và theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên BKS đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, hàng tuần tham dự cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc điều hành.

Với cổ đông, BKS không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông về hoạt động của công ty trong thời gian qua.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2023 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kế hoạch hoạt động trong năm 2023 của BKS tập trung vào một số nhiệm vụ chính như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua;
- Phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát, xây dựng báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023;
- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp trung thực và chính xác trong việc ghi chép sổ sách kế toán và công tác lập Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty. Lập báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và năm trình HĐQT;
- Lập báo cáo đánh giá rủi ro tài chính trên khía cạnh cân đối giữa dòng tiền và kế hoạch đầu tư trong 5 năm 2020-2025;
- Thực hiện công tác kiểm tra kế hoạch sản xuất kinh doanh tại 3 Xí nghiệp;
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện minh bạch theo đúng nội dung quy định của Công ty niêm yết;
- Tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tham gia đầy đủ các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành có liên quan đến công tác Kiểm soát;
- Và thực hiện các công tác khác theo quy định.

VII. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Đối với các khoản nợ khó đòi và các khoản nợ xấu đã được trích dự phòng đề nghị Công ty tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty trong thời gian nhanh nhất.

- Giải pháp về tiền lương: Chính sách tiền lương thưởng và chế độ đãi ngộ người lao động của Công ty chưa hoàn thiện, việc điều chỉnh tiền lương cho CBCNV vẫn đang trong quá trình nghiên cứu và tiếp tục hoàn thiện. BKS kiến nghị Công ty sớm xem xét chỉnh sửa Quy chế tiền lương phù hợp đảm bảo tính cạnh tranh trong hoàn cảnh có nhiều công ty, cảng biển đang ra đời tại khu vực Chân Mây và khuyến khích người lao động gắn kết lâu dài với Công ty.

- Đẩy mạnh khai thác container: Bến số 2 đưa vào hoạt động từ tháng 7 năm 2021, mục tiêu đặt ra khai thác song song Container và hàng rời. Theo định hướng phát triển Công ty trong kế hoạch 5 năm 2021-2025 thì năm 2023 kế hoạch khai thác container 34.000 TEUs. BKS kiến nghị Công ty chỉ đạo bộ phận khai thác Container nắm chắc, làm việc sát với chủ hàng, chủ tàu cần xây dựng kế hoạch khai thác cụ thể để đảm bảo đạt kế hoạch đề ra trong năm 2023 cũng như đảm bảo hiệu quả khai thác Bến số 2 trong những năm tiếp theo.



Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022. Ban kiểm soát kính trình quý vị cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BĐH;
- Ban KS;
- Lưu: VT. HC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phan Tuấn Anh